

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 272/2023/HĐ-KHĐT

Về việc: Lập 10 bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng thuộc báo cáo kiểm kê trữ lượng, tài nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 (Giấy phép (gia hạn) khai thác số 1145/GP-BTNMT ngày 08/5/2019) - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542 Fax: 024.62842546

Tài khoản : 000 799 888888 tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long - PGD Hoàng Mai

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043 Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với những điều khoản cụ thể sau:

Điều 1: Nội dung

Bên A đồng ý thuê và bên B đồng ý nhận Lập 10 bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng thuộc báo cáo kiểm kê trữ lượng, tài nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 (Giấy phép (gia hạn) khai thác số

1145/GP-BTNMT ngày 08/5/2019) - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.
(Có danh sách bản vẽ kèm theo).

Điều 2: Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên A bàn giao tài liệu phục vụ công việc (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và nghiệm thu).

Điều 3: Chất lượng và số lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm: Công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Số lượng sản phẩm: 01 bộ tài liệu + 01 file mềm (lưu trữ tại phòng địa chất).

Điều 4: Giá trị, hình thức và thanh toán hợp đồng:

4.1. Giá trị hợp đồng: **150.298.617 đồng** (đã bao gồm thuế GTGT 8%)

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm mười bảy đồng)

Chi tiết giá hợp đồng tại phụ lục kèm theo.

Giá trên là giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng và lợi nhuận của Bên B cũng như tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước thay đổi chính sách: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn thuế GTGT nếu chính sách thuế GTGT của Nhà nước có sự thay đổi tăng/giảm thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được hai bên điều chỉnh giá trị theo quy định mà không cần phải ký phụ lục Hợp đồng.

4.2. Loại hợp đồng: Trọn gói

4.3. Thanh toán:

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ công việc theo điều 1 của hợp đồng và Báo cáo được các cấp có thẩm quyền thông qua hoặc xác nhận trữ lượng theo quy định. Hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành và biên bản thanh lý hợp đồng làm cơ sở để Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Hồ sơ gồm:

- + Biên bản bàn giao tài liệu;
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành;
- + Biên bản thanh lý hợp đồng;
- + Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính;
- + Đề nghị thanh toán của Bên B.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

- Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

+ Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thương, phạt vi phạm hợp đồng

- Thương hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

+ Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

+ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

+ Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

- Việc cung cấp, trao đổi, lưu trữ, sử dụng thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật.

- Việc sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng mục đích theo yêu cầu cung cấp, không sử dụng cho mục đích, công việc khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản bên A.

- Không được chuyển quyền sử dụng đối với thông tin, dữ liệu nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Việc vi phạm sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tùy mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp cho bên B hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác lập bản vẽ.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

- Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

Điều 11: Điều khoản cam kết:

Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

Trường hợp phát sinh ngoài thoả thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Phó Giám đốc



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B



Tô Xuân Bản

DANH SÁCH BẢN VẼ

BÁO CÁO THÔNG KÊ, KIỂM KÊ TRỮ LƯỢNG, TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN NĂM 2022
TRONG RANH GIỚI GPKT - CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

(Kèm theo Hợp đồng số: 270/2023/HĐ-KHDT ngày 29/9/2023)

STT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ	Ghi chú
I. Khu Trung tâm mỏ than Mông Dương			
1	Bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng, tài nguyên vỉa I.13	1:2000	
2	Bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng, tài nguyên vỉa I.12	1:2000	
3	Bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng, tài nguyên vỉa II.11	1:2000	
4	Bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng, tài nguyên vỉa G.9	1:2000	
II. Khu Đông Bắc Mông Dương			
5	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 6	1/2000	
6	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 7	1/2000	
7	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 8	1/2000	
8	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 9	1/2000	
9	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 10	1/2000	
10	Bình đồ tính trữ lượng vỉa 11	1/2000	

PHỤ LỤC GIÁ TRỊ

(Kèm theo Hợp đồng số: 270/2023/HĐ-KHĐT ngày 29/9/2023)

TT	Nội dung công việc	Cách tính	Khối lượng				Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			
			Tổng	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Tổng cộng
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP (Ccg)									6 900 000	23 100 000	59 160 000	89 160 000
	Thành lập các bản vẽ của báo cáo												
1	Lập 10 Bình đồ đồng đẳng trụ và tính trừ lượng	Công	138	6	30	102	1 150 000	770 000	580 000	6 900 000	23 100 000	59 160 000	89 160 000
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ (Cql)	55% x Ccg											49 038 000
C	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (TN)	6% x (Ccg + Cql)											8 291 880
D	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN TRƯỚC THUẾ	(Ccg+Cql+TN)											146 489 880
E	Tiết giảm chi phí (5%)	5%xD											7 324 494
F	Giá trị trước thuế sau tiết giảm	D-E											139 165 386
G	Thuế giá trị gia tăng 8%												11 133 231
H	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG SAU THUẾ												150 298 617

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 272/2023/HĐ-KHĐT ngày 29/9/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 272/2023/HĐ-KHĐT ngày 29/9/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc Lập 10 bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng thuộc báo cáo kiểm kê trữ lượng, tài nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 (Giấy phép (gia hạn) khai thác số 1145/GP-BTNMT ngày 08/5/2019) - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin;

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 26/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất.

Hôm nay, tại Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P.Đại Kim, Q.Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542. Fax: 024.62842546

Tài khoản số : 000 799 888888 tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long - PGD Hoàng Mai

Mã số thuế : 0101919181

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.37523043 Fax: 024.37523043

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ tài liệu Bên B giao cho Bên A và các điều khoản ghi trong hợp đồng, hai bên thống nhất ký Biên bản thanh lý Hợp đồng số 272/2023/HĐ-KHĐT ngày 29/9/2023 với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

- Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất đã thực hiện và hoàn thành một phần công việc Lập 10 bình đồ đồng đẳng trụ và tính trữ lượng thuộc báo cáo kiểm kê trữ lượng, tài nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 (Giấy phép (gia hạn) khai thác số 1145/GP-BTNMT ngày 08/5/2019) - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.

- Hồ sơ tài liệu đã bàn giao đầy đủ cho bên A và đã được nghiệm thu tại biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 26/12/2023.

ĐIỀU II. GIÁ TRỊ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Giá trị thực hiện: 150.298.617 đồng (đã bao gồm thuế GTGT)

- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng

- Giá trị còn lại: 150.298.617 đồng (đã bao gồm thuế GTGT)

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

ĐIỀU III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã ghi trong biên bản này và thống nhất thanh lý Hợp đồng số 272/2023/HĐ-KHĐT ngày 29/9/2023.

Biên bản được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Phó Giám đốc

Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Tô Xuân Bản

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm 2023-2024
TẠI TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

TT	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Tổng số tiền chuyển về (đồng)	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
1	Lập báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2192/GP-BTNMT ngày 30/10/2028 mỏ than Bắc Cọc Sáu, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	160/2023/HĐ-KHĐT	31/5/2023	26/12/2023	204.565.687	200.846.311	Tò Xuân Bàn	Đặng Thị Vinh
2	Lập 10 bình đồ đồng đăng trụ và tính trữ lượng thuộc báo cáo kiểm kê trữ lượng, tài nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 (Giấy phép (gia hạn) khai thác số 1145/GP-BTNMT ngày 08/5/2019) – Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	272/2023/HĐ-KHĐT	29/9/2023	26/12/2023	150.298.617	150.298.617	Phạm Thị Vân Anh	Đặng Thị Vinh Hà Thành Như



T	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Tổng số tiền chuyển về (đồng)	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
3	Về việc thực hiện một phần công việc thuộc Gói cung cấp: Lấy mẫu xác định thể trọng than, thể trọng đá kẹp khu vực Bảng Danh, mỏ than Hà Tu năm 2022, công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	120/2023/HĐ-KHĐT	27/4/2023	26/12/2023	121.942.439	119.725.304	Phạm Thị Vân Anh	Đặng Thị Vinh Hà Thành Như Lê Thị Ngọc Tú
4	Phân tích mẫu đồng vị định tuổi U-Pb cho zircon, mẫu đồng vị Sr-Nd cho đá tổng, mẫu đồng vị định tuổi quặng Re-Os, mẫu xác định đồng vị bền (S; O-H), mẫu bao thể, mẫu microzond (SEM), mẫu thạch học cấu tạo định hướng, thuộc đề án thành phần "Điều tra, đánh giá vàng và các khoáng sản đi kèm phần phía Tây Nam đứt gãy sông Hồng (trừ tỉnh Nghệ An)" phục vụ nghiên cứu chuyên đề "Lựa chọn 02 khu vực có triển vọng quặng vàng ẩn sâu; xây dựng mô hình cấu trúc (3D) làm cơ sở thiết kế khoan sâu"	11.7/2023/HĐPT	11/7/2023	19/12/2023	539.842.952	539.842.952	Tô Xuân Bản	Phạm Thị Vân Anh Đặng Thị Vinh
5	Gia công, phân tích mẫu đồng vị lưu huỳnh và đồng vị oxy, thuộc Đề án thành phần "Điều tra, đánh giá vàng và các khoáng sản đi kèm phần phía Đông Bắc đứt gãy Sông Hồng"	08.2/2023/HĐPT	08/02/2023	15/12/2023	170.068.800	162.903.766	Nguyễn Hữu Trọng	Đặng Thị Vinh Hà Thành Như



TT	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Tổng số tiền chuyển về (đồng)	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
6	Phân tích ngoại bộ (5%) thành phần hóa học các mẫu bằng phương pháp huỳnh quang tia X (XRF) của hợp phần 2 mã số TĐĐHQG.02/21-23	02/2023-HĐKT-TĐĐHQG.02/21-23)	16/10/2023	14/12/2023	277.000.000	277.000.000	Đặng Thị Vinh	Hà Thành Như Lê Thị Ngọc Tú Nguyễn Hữu Trọng
7	Về việc thực hiện một phần công việc Lập cơ sở dữ liệu địa chất Dự án thăm dò và khảo sát than chung tại tỉnh Quảng Ninh, năm tài khóa 2023	277/2023/HĐ-KHĐT	05/10/2023	05/12/2023	148.201.229	148.201.229	Phạm Thị Vân Anh	Hà Thành Như Nguyễn Hữu Trọng

XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT



GIÁM ĐỐC
TS *Trần Xuân Bản*